

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Công văn số /SNNMT-QLĐĐ ngày /5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

| TT  | HẠNG MỤC                                                         | Tổng diện tích (ha) | Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Tăng thêm      |                      | Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) | Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú                                                                                                                    |
|-----|------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|---------------------------|----------------|----------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                  |                     |                                             |                           | Diện tích (ha) | Sử dụng vào loại đất |                                         |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                            |
| (1) | (2)                                                              | (3)                 | (4)=(5)+(6)                                 | (5)                       | (6)            | (7)                  | (8)                                     | (9)                                                  | (10)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | (11)                                                                                                                       |
| A   | Trong ngân sách                                                  |                     |                                             |                           |                |                      |                                         |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                            |
| 1   | Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Hòa - Đức Thanh, huyện Mộ Đức | 0,10                | 0,10                                        | 0,00                      | 0,10           | DCT                  | Xã Đức Thanh                            | Tờ bản đồ số 3, 7, 9 xã Đức Thanh                    | Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư năm 2019 các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn bổ sung giai đoạn 2019-2020 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt vốn đầu tư ngân sách tỉnh năm 2020          |                                                                                                                            |
| 2   | Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Lân, huyện Mộ Đức             | 0,21                | 0,21                                        | 0,00                      | 0,21           | DCT                  | Xã Đức Lân                              | Tờ bản đồ số 30, xã Đức Lân                          | Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư năm 2019 các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn bổ sung giai đoạn 2019-2020 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt vốn đầu tư ngân sách tỉnh năm 2020          |                                                                                                                            |
| 3   | Nâng cấp Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức  | 0,09                | 0,002                                       | 0,00                      | 0,002          | DCT                  | Xã Đức Chánh                            | Tờ bản đồ số 7, 8 và 9 xã Đức Chánh                  | Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai chi tiết nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách cấp tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022 (bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023); Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh mục dự án kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2024 sang năm 2025 (đợt 1) | Công trình thực hiện năm 2010 đã thu hồi đất 886 m². Nay đăng ký vào KH 2025 thực hiện thu hồi đất 0,002 ha (vị trí giếng) |

|            |                                                                                                  |             |             |             |             |     |              |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                         |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-----|--------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4          | Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức                         | 0,10        | 0,04        | 0,00        | 0,04        | DCT | Xã Thắng Lợi | Tờ bản đồ số 10 và 14 xã Thắng Lợi     | Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác                                                                                                                                                                                                                                                             | Diện tích đăng ký KH năm 2022 là 0,32 ha (nay điều chỉnh giảm còn 0,10 ha). Đã có thông báo thu hồi đất |
| 5          | Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức                          | 0,10        | 0,10        | 0,00        | 0,10        | DCT | Xã Thắng Lợi | Tờ bản đồ số 35, 37 và 38 xã Thắng Lợi | Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác                                                                                                                                                                                                                                             | Diện tích đăng ký KH năm 2022 là 0,30 ha (nay điều chỉnh giảm còn 0,10 ha)                              |
| 6          | Tuyến đường Chợ Mới - Tân Phong (giai đoạn 3)                                                    | 2,07        | 2,07        | 0,00        | 2,07        | DGT | Xã Đức Lân   | Tờ bản đồ số 25, 26, 27 xã Đức Lân     | Quyết định số 4247/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án: Tuyến đường Chợ Mới - Tân Phong (giai đoạn 3); Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 31/8/2022 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt danh mục công trình đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Mộ Đức | Diện tích đăng ký KH năm 2023 là 1,23 ha (nay điều chỉnh tăng 2,07 ha). Đã có thông báo thu hồi đất     |
| 7          | Tuyến đường Chợ Văn Bàn - Xe Bò (Giai đoạn 2)                                                    | 0,21        | 0,21        | 0,00        | 0,21        | DGT | Xã Đức Nhuận | Tờ bản đồ số 15 xã Đức Nhuận           | Quyết định số 17327/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Tuyến đường Chợ Văn Bàn - Xe Bò (giai đoạn 2); Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 31/8/2022 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt danh mục công trình đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Mộ Đức    | Diện tích đăng ký KH năm 2023 là 0,21 ha. Đã có thông báo thu hồi đất                                   |
| <b>B</b>   | <b>Ngoài ngân sách</b>                                                                           |             |             |             |             |     |              |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                         |
| <b>B.1</b> | <b>Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)</b> |             |             |             |             |     |              |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                         |
|            | <b>Tổng cộng: 07 CT</b>                                                                          | <b>2,87</b> | <b>2,73</b> | <b>0,00</b> | <b>2,73</b> |     |              |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                         |

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Công văn số /SNNMT-QLĐĐ ngày /5/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

| TT  | Công trình, dự án                                               | Tổng diện tích QH (ha) | Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha) | Diện tích đã chuyển mục đích (ha) | Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha) |          |     |                         |                         |                         |                     | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) | Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú                           |
|-----|-----------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|----------|-----|-------------------------|-------------------------|-------------------------|---------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                                                                 |                        |                                             |                                   | Đất trồng lúa (LUA)                   |          |     | Đất rừng đặc dụng (RDD) | Đất rừng phòng hộ (RPH) | Đất rừng sản xuất (RSX) |                     |                       |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                   |
|     |                                                                 |                        |                                             |                                   | Diện tích                             | Trong đó |     |                         |                         | Diện tích               | Rừng tự nhiên (RSN) |                       |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                   |
| LUC | LUK                                                             |                        |                                             |                                   |                                       |          |     |                         |                         |                         |                     |                       |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                   |
| (1) | (2)                                                             | (3)                    | (4)                                         | (5)                               | (6)=(7)+(8)                           | (7)      | (8) | (9)                     | (10)                    | (11)                    | (12)                | (13)                  | (14)                                                 | (15)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | (16)                              |
| A   | Trong ngân sách                                                 |                        |                                             |                                   |                                       |          |     |                         |                         |                         |                     |                       |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                   |
| I   | Đăng ký mới năm 2025                                            |                        |                                             |                                   |                                       |          |     |                         |                         |                         |                     |                       |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                   |
| 1   | Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Lân, huyện Mộ Đức            | 0,21                   | 0,21                                        | 0,00                              | 0,15                                  | 0,15     |     |                         |                         |                         |                     | Xã Đức Lân            | Tờ bản đồ số 30 xã Đức Lân                           | Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư năm 2019 các dự án cấp nước sinh hoạt nông thôn bổ sung giai đoạn 2019-2020 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt vốn đầu tư ngân sách tỉnh năm 2020          | Dự án đăng ký CMĐ sử dụng đất mới |
| 2   | Nâng cấp Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức | 0,09                   | 0,09                                        | 0,00                              | 0,00                                  |          |     |                         | 0,002                   | 0,01                    |                     | Xã Đức Chánh          | Tờ bản đồ số 7, 8 và 9 xã Đức Chánh                  | Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai chi tiết nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách cấp tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022 (bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023); Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh mục dự án kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2024 sang năm 2025 (đợt 1) | Dự án đăng ký CMĐ sử dụng đất mới |

| TT  | Công trình, dự án                                    | Tổng diện tích QH (ha) | Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha) | Diện tích đã chuyển mục đích (ha) | Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha) |          |      |                         |                         |                         | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) | Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...) | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                |
|-----|------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|----------|------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                      |                        |                                             |                                   | Đất trồng lúa (LUA)                   |          |      | Đất rừng đặc dụng (RDD) | Đất rừng phòng hộ (RPH) | Đất rừng sản xuất (RSX) |                       |                                                      |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                |
|     |                                                      |                        |                                             |                                   | Diện tích                             | Trong đó |      |                         |                         | Diện tích               |                       |                                                      |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Rừng tự nhiên (RSN)                                                                                                            |
| LUC | LUK                                                  |                        |                                             |                                   |                                       |          |      |                         |                         |                         |                       |                                                      |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                |
| (1) | (2)                                                  | (3)                    | (4)                                         | (5)                               | (6)=(7)+(8)                           | (7)      | (8)  | (9)                     | (10)                    | (11)                    | (12)                  | (13)                                                 | (14)                                                       | (15)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | (16)                                                                                                                           |
| 3   | Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú, huyện Mộ Đức | 0,13                   | 0,13                                        | 0,00                              | 0,06                                  | 0,06     |      |                         |                         |                         |                       | Xã Đức Phú                                           | Tờ bản đồ số 16, 23 xã Đức Phú                             | Quyết định số 1184a/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú, huyện Mộ Đức; Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú, huyện Mộ Đức                                                                                                                 | KH 2022, NQ số 25/2022/NQ-HĐND, ngày 30/9/2022 (trong đó: đất LUC 0,06 ha). Đến nay dự án chưa chuyển mục đích sử dụng đất lúa |
| 4   | Tuyến đường Chợ mới - Tân Phong (Giai đoạn 3)        | 2,07                   | 2,07                                        | 0,00                              | 0,52                                  | 0,52     |      |                         |                         | 0,13                    |                       | Xã Đức Lâm                                           | Tờ bản đồ số 25, 26, 27 xã Đức Lâm                         | Quyết định số 4247/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án: Tuyến đường Chợ Mới - Tân Phong (giai đoạn 3); Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 31/8/2022 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt danh mục công trình đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Mộ Đức | Dự án đăng ký CMD sử dụng đất mới (KH 2023)                                                                                    |
| 5   | Tuyến đường Chợ Văn Bản – Xe Bò (giai đoạn 2)        | 0,21                   | 0,21                                        | 0,00                              | 0,11                                  | 0,11     |      |                         |                         |                         |                       | Xã Đức Nhuận                                         | Tờ bản đồ số 15 xã Đức Nhuận                               | Quyết định số 17327/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Tuyến đường Chợ Văn Bản - Xe Bò (giai đoạn 2); Quyết định số 192/QĐ-UBND, ngày 31/8/2022 của UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt danh mục công trình đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Mộ Đức    | Dự án đăng ký CMD sử dụng đất mới (KH 2023)                                                                                    |
| B   | Ngoài ngân sách                                      |                        |                                             |                                   |                                       |          |      |                         |                         |                         |                       |                                                      |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                |
|     | Tổng cộng: 05 CT                                     | 2,71                   | 2,71                                        | 0,00                              | 0,84                                  | 0,84     | 0,00 | 0,00                    | 0,002                   | 0,14                    | 0,00                  |                                                      |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                |